

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/DS-ST
Ngày: 04/3/2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Minh Thuận;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 706/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1983; địa chỉ: 4 C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Hoàng Kim Minh C, sinh năm 1984;

+ Bà Đặng Thị Kim T1, sinh năm 1996

+ Bà Doãn Thùy T2, sinh năm 2002

Cùng địa chỉ: Số B, đường D, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thu T3, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin vắng mặt. Bị đơn bà T3 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2025, quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T (bà T1) trình bày:*

Ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị Thu T3 là bạn bè. Trong quá trình quen biết, trò chuyện qua lại, bà T3 đã nhiều lần ngỏ ý vay mượn tiền của ông T để đầu tư kinh doanh và cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ cả gốc lẫn lãi trong vòng 01 tuần.

Theo đó, ngày 02/6/2024 ông T đã chuyển cho bà T3 vay 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng chính chủ của bà T3 mang tên: “DO THI THU THI”; Số tài khoản: 911056105 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; theo nội dung chuyển khoản mà bà T3 yêu cầu. Để tạo sự tin tưởng, ngày 06/6/2024, bà T3 có hoàn trả lại đủ số tiền nêu trên cho ông T.

Sau đó, bà T3 liên tục gọi điện và nhắn tin thúc giục ông T chuyển thêm tiền cho bà T3 vay mượn với lý do cần vốn đầu tư gấp. Vì tin tưởng cùng với sự uy tín lần trước trả nợ đúng hạn, ông T đã nhiều lần chuyển khoản cho bà T3 vay theo đề nghị. Tính đến ngày 20/10/2024, bà T3 tự xác nhận tổng số tiền còn nợ ông T là 630.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 12/6/2024: 50.000.000 đồng;

Ngày 15/6/2024 (chuyển khoản 3 lần): 550.000.000 đồng;

Ngày 23/7/2024: 15.000.000 đồng;

Ngày 24/7/2024: 15.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền cho vay, ông T chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà T3 theo thông tin tài khoản trên, có xác nhận qua sao kê ngân hàng và các tin nhắn qua ứng dụng Zalo giữa ông T và bà T3.

Kể từ khi cho vay tiền đến nay, bà T3 chỉ hứa hẹn qua loa, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu buộc bà T3 phải thanh toán cho ông T toàn bộ số nợ gốc 630.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (11/9/2025) đến ngày xét xử (04/3/2026) với lãi suất 10%/năm tương ứng số tiền 30.032.877 đồng. Tổng cộng 660.032.877 đồng.

Ngoài ra bà T1 không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bà Đỗ Thị Thu T3 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà T3 vẫn vắng mặt không có lý do.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Đức T khởi kiện bà Đỗ Thị Thu T3 yêu cầu thanh toán số tiền vay 630.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm tương ứng số tiền 30.032.877 đồng. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đỗ Thị Thu T3 có nơi cư trú tại tổ A, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực số A - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T3 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T3.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ông T trình bày: Ông T cho bà T3 vay tổng số tiền là 630.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: Ngày 12/6/2024 chuyển số tiền 50.000.000 đồng; ngày 15/6/2024 chuyển 03 lần với số tiền 550.000.000 đồng; ngày 23/7/2024 chuyển 15.000.000 đồng và ngày 24/7/2024 chuyển 15.000.000 đồng.

Chứng cứ ông T cung cấp là bản sao kê chuyển khoản từ tài khoản của ông T đến tài khoản mang tên “DO THI THU THI”, số tài khoản 911056105 tại Ngân hàng TMCP Q; Vi bằng thể hiện tin nhắn qua lại giữa ông T và bà T3. Theo nội dung tin nhắn thì ngày 20/10/2024, bà T3 có xác nhận nợ T số tiền 630.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Từ ngày 12/6/2024 đến ngày 24/7/2024, ông T đã nhiều lần chuyển tiền cho bà T3 vay, tổng cộng 630.000.000 đồng. Các giao dịch chuyển tiền đều được thực hiện vào tài khoản chính chủ của bà T3, có chứng từ ngân hàng H1 và không bị bà T3 phản đối. Việc vay tiền được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên là giao dịch dân sự hợp pháp theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do các bên không có văn bản thỏa thuận thời hạn thanh toán và lãi suất nên đây là hợp đồng vay không có thời hạn và không thỏa thuận lãi suất. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T3 để bà T3 trình bày ý kiến và

cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng bà T3 không thực hiện. Điều này cho thấy bà T3 cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ đối với ông T. Nên ông T yêu cầu bà T3 thanh toán số tiền 630.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện (11/9/2025) đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm tương ứng số tiền 30.032.877 đồng.

Xét thấy, các bên không có thỏa thuận về lãi suất đối với khoản vay nêu trên. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 10%/năm và thời gian tính lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử là phù hợp Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn bà T3 phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho ông T.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 117, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Nguyễn Đức T đối với bà Đỗ Thị Thu T3.

Buộc bà Đỗ Thị Thu T3 thanh toán cho ông Nguyễn Đức T số tiền 660.032.877 đồng (sáu trăm sáu mươi triệu không trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng) (gồm 630.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 30.032.877 đồng (ba mươi triệu không trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Thu T3 chịu 30.401.315 đồng (ba mươi triệu bốn trăm lẻ một nghìn ba trăm mười lăm đồng).

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Đức T 15.650.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0033686 ngày 03/11/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18
- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đặng Thị Thùy Linh